TÒA ÁN ND HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2017
V/v ly hôn giữa chị H và anh Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa: Bà Nguyễn Thị Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chung

2. Ông Lê Ngọc Giới

- Thư ký pH tòa: Bà Ngọ Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Thân Mạnh Thắng-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị H, sinh năm 1985 "có mặt"

Địa chỉ: Thôn Đ1, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Giống Vi Đ, sinh năm 1979 "có mặt"

Địa chỉ: Thôn Đ1, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang phòng giao dịch huyện N do ông Nguyễn Phương B – Phó giám đốc phòng giao dịch huyện N đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 27/QĐ-NHCS ngày 14/02/2017) "có đơn xin vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2017 và trong các lời khai, nguyên đơn chị Triệu Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Giống Vi Đ tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Bắc Giang ngày 03/5/2003. Năm 2006 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng trong quan điểm sống và kinh tế vợ chồng khó khăn hơn nữa anh Đ thường xuyên chơi bời không chịu làm ăn, thường xuyên chửi bới đánh đập chị. Vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với nhau kể từ giữa năm 2015 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài do vậy chị thiết tha xin được ly hôn với anh Đ.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung Giống Hữu N1, sinh ngày 11/3/2004, hiện nay cháu đang ở với anh Đ. Nếu vợ chồng ly hôn chị xin được nuôi cháu N1, không yêu cầu anh Đ góp cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm công nhân may thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 6.500.000đ.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có gì nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về số nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang phòng giao dịch huyện N vay vốn hộ nghèo số tiền là 30.000.000đ tiền gốc cùng lãi xuất phát sinh khi đến hạn thanh toán. Số nợ này chưa đến thời hạn thanh toán tuy nH vợ chồng ly hôn chị đồng ý mỗi bên chịu một nửa số nợ gốc và lãi suất phát sinh khi đến hạn.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại pH tòa hôm nay bị đơn anh Giống Vi Đồng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và công nợ chung anh Đ thống nhất với lời trình bày của chị H. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị H trình bày là không đúng theo anh vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Từ ngày 07/3/2017 chị H nói với anh là đi làm, anh không biết chị H đi làm gì, ở đâu điện thoại không liên lạc được anh có đến nhà chị H tìm nhưng không thấy. Cũng từ đó chị H không về thăm gia đình, chồng con, không quan tâm gì đến chồng con, vợ chồng sống ly thân từ 07/3/2017 đến nay và anh cũng không đánh đập chị H lần nào mà chỉ thỉnh thoảng vợ chồng có cãi nhau do kinh tế khó khăn.

Đối với yêu cầu của chị H về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung anh không đồng ý. Anh không đồng ý ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Về con chung nếu chị H cố tình xin ly hôn thì anh xin nuôi con chung và yêu cầu chị H góp cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu về tài sản chung và công nợ chung anh cũng thống nhất vợ chồng không có tài sản chung gì và còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang phòng giao dịch huyện N số tiền 30.000.000đ nợ gốc vay hộ nghèo. Nay vợ chồng ly hôn thì chia đôi mỗi bên chịu một nửa nợ gốc cùng lãi suất phát sinh khi đến hạn thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang phòng giao dịch huyện N do ông Nguyễn Phương Bắc – Phó giám đốc phòng giao dịch đại diện trình bày:

Ngày 27/6/2014 anh Giống Vi Đ đại diện hộ gia đình vay vốn chương trình cho vay hộ nghèo, số tiền vay 30.000.000đ, lãi suất 0,6%/tháng; lãi suất quá hạn 130% lãi suất cho vay, hạn trả 21/6/2019. Số tiền lãi tính đến ngày 21/8/2017 là 6.168.000đ gia đình đã trả hàng tháng. Nay chị H xin ly hôn với anh Đ đề nghị chị H cùng có trách nhiệm thanh toán trả nợ NHCSXH huyện N và lãi phát sinh khi đến hạn. Tại phiên tòa hôm nay NHCSXH huyện N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang tham gia pH tòa phát biểu ý kiến: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung giao cho chị H nuôi cháu N1 vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết, về tài sản không đề nghị Tòa án giải quyết, về số nợ chị H và anh Đ mỗi người phải trả cho NHCSXH huyện N 15.000.000đ nợ gốc cùng lãi suất phát sinh khi đến hạn thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngH cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại pH toà; Căn cứ vào kết quả tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang, phòng giao dịch huyện N. Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy quyền lợi của Ngân hàng đã được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị Triệu Thị H và anh Giống Vi Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống hàng ngày, anh Đ không chịu làm ăn, thường xuyên đánh đập chị. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ giữa năm 2015, hai bên đã sống ly thân. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thiết tha xin được ly hôn với anh Đ. HĐXX thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã căng thẳng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ cho chị H và anh Đ được ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung:* Chị H và anh Đ có con chung. Chị H và anh Đ đều xin nuôi con chung. Việc nuôi con chung này là yêu cầu chính đáng của cả hai. Tuy nH hiện tại anh Đ không có công ăn việc làm ổn định, chị H đang đi làm công ty may thu nhập bình quân mỗi tháng 6.500.000đ và đó cũng là nguyện vọng của cháu N1 muốn ở với chị H. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu giao con chung Giống Hữu N1

cho chị H nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ không trực tiếp nuôi con chung nên sau khi ly hôn anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về công nợ chung:* Chị H, anh Đ đều xác nhận còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang, phòng giao dịch huyện N số tiền nợ gốc 30.000.000đ cùng lãi suất phát sinh. Tuy nH số tiền này chưa đến thời hạn thanh toán. Cả chị H và anh Đ đều thỏa thuận mỗi người có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện N số tiền 15.000.000đ tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh khi đến thời hạn thanh toán. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, do vậy, HĐXX cần chấp nhận sự tự nguyện này của các đương sự.

[5] *Về án phí*: Chị Triệu Thị H và anh Giống Vi Đ thuộc diện hộ nghèo nên được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12, Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Triệu Thị H được ly hôn với anh Giống Vi Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Giống Hữu N1, sinh ngày 11/3/2004, cho chị Triệu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về số nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Triệu Thị H và anh Giống Vi Đ mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 15.000.000đ cùng lãi suất phát sinh khi đến hạn thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

4.Án phí: Chị Triệu Thị H và anh Giống Vi Đ không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Triệu Thị H 300.000 chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0002509 ngày 25/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện N;
-THADS huyện N;
-UBND xã V;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Hường